

Số: /TTXT-HC

Khánh hòa, ngày tháng 4 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 26/1/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ dự toán nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Phòng Hành chính – Tổng hợp.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I	UTH/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	UTH quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.345.400.000	612.000.000	18,29%	
1	Số thu phí, lệ phí	3.345.400.000	612.000.000	18,29%	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I	UTH/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	UTH quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.3	Thu tiền của Cụm công nghiệp	3.345.400.000	612.000.000	18,29%	
-	<i>Thu tiền sử dụng hạ tầng của Cụm công nghiệp Tháp Chàm</i>	222.400.000	0	0,00%	
-	<i>Thu phí quản lý CCN Diên Phú, Đắc Lộc</i>	806.000.000	201.000.000	24,94%	
-	<i>Thu phí duy tu bảo dưỡng CCN Diên Phú, Đắc Lộc</i>	717.000.000	179.500.000	25,03%	
-	<i>Thu phí quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải tại CCN Diên Phú, Đắc Lộc</i>	1.600.000.000	231.500.000	14,47%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
4	Số tiền sử dụng của Cụm công nghiệp	2.803.480.000	498.400.681	17,78%	
4.1	Chi tiền sử dụng hạ tầng của Cụm công nghiệp Tháp Chàm	218.000.000	42.356.311	19,43%	
4.2	Chi phí quản lý CCN Diên Phú, Đắc Lộc	800.000.000	128.239.794	16,03%	
4.3	Chi phí duy tu bảo dưỡng CCN Diên Phú, Đắc Lộc	550.000.000	157.729.568	28,68%	
4.4	Chi phí vận hành trạm xử lý nước thải tại CCN Diên Phú, Đắc Lộc	1.100.000.000	142.075.008	12,92%	
4.5	Nộp thuế	135.480.000	28.000.000	20,67%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.963.672.000	4.536.790.411	21,64%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I	UTH/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	UTH quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	20.963.672.000	4.536.790.411	21,64%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.966.000.000	2.155.888.672	16,63%	
6.1.1	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương theo ND 38/2019/ND-CP	6.463.000.000	1.140.564.462	17,65%	
6.1.2	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương theo ND 24/2023/ND-CP và ND 73/2024/ND-CP	2.450.000.000	650.657.580	26,56%	
6.1.3	Hợp đồng lao động	40.000.000	3.600.000	9,00%	
6.1.4	Chi thường xuyên theo định mức	3.572.000.000	361.958.544	10,13%	
6.1.5	Kinh phí tiết kiệm 10% CTX đơn vị giữ lại	441.000.000		0,00%	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.997.672.000	2.380.009.825	29,76%	
6.2.1	Hướng dẫn hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư, khảo sát dự án, Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc dự án đầu tư (gồm xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, nước uống, giải khát giữa giờ, ...)	40.000.000	5.500.000	13,75%	
6.2.2	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp	842.000.000	436.456.308	51,84%	
6.2.3	Hoạt động xúc tiến Thương mại	1.760.000.000	1.551.553.517	88,16%	
6.2.4	Chương trình khuyến công địa phương	810.000.000	0	0%	
6.2.5	Chương trình sử dụng năng lượng TK&HQ	445.000.000	0	0%	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện Quý I	UTH/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	UTH quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.2.6	Chương trình SX&TDBV	324.000.000	0	0%	
6.2.7	Công nghiệp hỗ trợ: Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn để phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh	124.000.000	0	0%	
6.2.8	Lĩnh vực quản lý CCN (Kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm công nghiệp Diên Phú năm 2026)	43.000.000	0	0%	
6.2.9	Kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2026	1.000.000.000	0	0%	
6.2.10	Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền thuê nhà ở, chi phí đi lại bằng tiền cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính tỉnh Khánh Hòa và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Khánh Hòa năm 2026	1.236.240.000	286.500.000	23,18%	
6.2.11	Kinh phí thực hiện triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Khánh Hoà năm 2025	751.432.000	100.000.000	13,31%	
6.2.12	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	622.000.000	0	0%	
7				

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIV;
- Ban giám đốc;
- Các phòngng nghiệp vụ thuộc Trung tâm;
- Niêm yết bảng thông báo;
- Đăng tải web;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC**Trương Văn Tiến**